

ĐỀ THI THỬ MINH HỌA SỐ 32 KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021

(Đề thi có 04 trang)

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41: Biện pháp để bảo vệ tài nguyên sinh vật ở nước ta **không** phải là

- A. xây dựng các vườn quốc gia. B. ban hành Sách đỏ Việt Nam.
C. quy định cụ thể việc khai thác. D. cấm khai thác các loài sinh vật.

Câu 42: Ở lưu vực sông suối miền núi nước ta thường dễ xảy ra thiên tai nào?

- A. Hạn hán. B. Ngập lụt. C. Lũ quét. D. Lốc xoáy.

Câu 43: Ngành nào sau đây sử dụng nguyên liệu từ công nghiệp khai thác dầu khí?

- A. Gang thép. B. Phân đạm. C. Cơ khí. D. Điện tử.

Câu 44: Ngành nào sau đây sử dụng nguyên liệu từ cây công nghiệp?

- A. Chế biến lương thực. B. Chế biến chè, cà phê, thuốc lá.
C. Sản xuất da, giày. D. Giấy, in, văn phòng phẩm.

Câu 45: Đông Nam Bộ hiện nay đứng đầu cả nước về

- A. trồng các loại cây lương thực. B. phát triển khai thác dầu và khí.
C. trữ năng thủy điện ở các sông. D. chăn nuôi gia cầm và thủy sản.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh nào sau đây vừa giáp biển vừa giáp Trung Quốc?

- A. Quảng Ninh. B. Lạng Sơn. C. Hải Phòng. D. Cao Bằng.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu vực hệ thống sông nào sau đây nằm hoàn toàn trong lãnh thổ nước ta?

- A. Đà Rằng. B. Kỳ Cùng – Bằng Giang.
C. Mê Công. D. Đồng Nai.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có mùa mưa vào thu đông?

- A. Hà Nội. B. Nha Trang. C. TP Hồ Chí Minh. D. Cà Mau.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

- A. Ngọc Linh. B. Chư Yang Sin. C. Kon Ka Kinh. D. Vọng Phu.

Câu 50: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết thành phố Vinh thuộc đô thị loại mấy?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô nhỏ nhất Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Đà Nẵng. B. Nha Trang. C. Huế. D. Quy Nhơn.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết trong các tỉnh sau đây, tỉnh nào có sản lượng thịt hơi xuất chuồng tính theo đầu người cao nhất?

- A. Lào Cai. B. Lai Châu. C. Sơn La. D. Cao Bằng.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm nào có cơ cấu ngành đa dạng hơn cả?

- A. Thái Nguyên. B. Vinh. C. Quy Nhơn. D. Sóc Trăng.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nào sau đây **không** có ngành gỗ, giấy, xenlulô?

- A. Hải Phòng. B. Đà Nẵng. C. Cần Thơ. D. Thủ Dầu Một.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ nào sau đây nối Nam Định với Hải Phòng?

- A. Quốc lộ 21. B. Quốc lộ 10. C. Quốc lộ 18. D. Quốc lộ 5.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết bãi biển Sa Huỳnh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Quảng Ngãi.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết những loại khoáng sản nào sau đây được khai thác ở tỉnh Tuyên Quang?

- A. Apatit và sắt. B. Đồng và than. C. Chì và thiếc. D. Mangan và bô xit.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hoá. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Quảng Trị.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết tỉnh Quảng Nam có nhà máy thủy điện nào sau đây?

- A. A Vương. B. Sông Hinh. C. Vĩnh Sơn. D. Đa Nhim.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trong các tỉnh sau đây, tỉnh nào có 2 khu kinh tế cửa khẩu?

- A. An Giang. B. Đồng Tháp. C. Tây Ninh. D. Bình Phước.

Câu 61: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2016

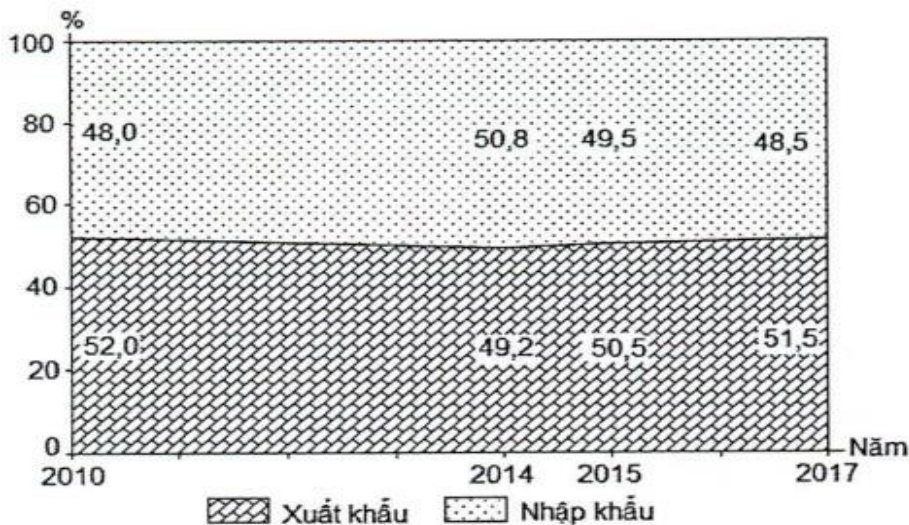
Quốc gia	Việt Nam	Lào	Thái Lan	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	331,1	236,8	513,1	300,0
Dân số (triệu người)	93,7	7,0	66,1	105,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của một số quốc gia năm 2016?

- A. Việt Nam cao hơn Thái Lan. B. Lào cao hơn Phi-lip-pin.
C. Thái Lan thấp hơn Lào. D. Phi-lip-pin thấp hơn Việt Nam.

Câu 62: Cho biểu đồ sau:



CƠ CẤU XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A, GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

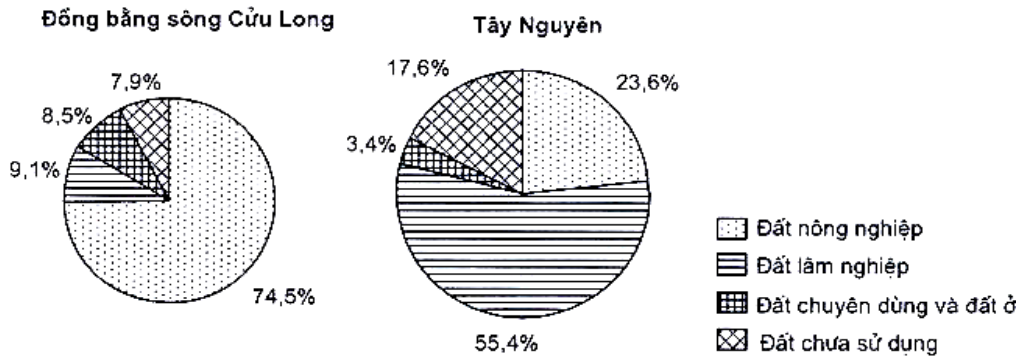
Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về xuất nhập khẩu hàng hóa của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2010 - 2017?

- A. Cán cân dương trong cả giai đoạn 2010 - 2014. B. Xuất khẩu tăng.
C. Cán cân âm trong cả giai đoạn 2015 - 2017. D. Nhập khẩu tăng.

Câu 63: Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú do

- A. địa hình chủ yếu là đồi núi.
B. tài nguyên đất rất đa dạng.
C. nằm ở nơi giao nhau của 2 vành đai sinh khoáng.
D. vị trí là nơi chuyển tiếp giữa lục địa và đại dương.

- Câu 64:** Việc phân bố lại dân cư và lao động trên phạm vi cả nước sẽ giúp cho các vùng
- A. sử dụng hợp lý hơn lao động và tài nguyên. B. thay đổi cơ cấu dân số nông thôn, thành thị.
C. có thêm lực lượng lao động và việc làm. D. giảm bớt lao động, tăng thêm việc làm.
- Câu 65:** Chất lượng nguồn lao động nước ta ngày càng được nâng cao là do
- A. ý thức tự đào tạo nghề của người lao động.
B. phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.
C. số lao động trong các khu công nghiệp tăng.
D. hướng nghiệp, đào tạo nghề được chú trọng.
- Câu 66:** Cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng
- A. tăng tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng thủy sản.
B. giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng thủy sản.
C. giảm tỉ trọng nông nghiệp, giảm tỉ trọng thủy sản.
D. tăng tỉ trọng nông nghiệp, giảm tỉ trọng thủy sản.
- Câu 67:** Xu hướng nổi bật nhất của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là
- A. ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật. B. đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.
C. tăng tỉ trọng sản phẩm không giết thịt. D. phát triển mạnh dịch vụ về giống, thú y.
- Câu 68:** Ngành thủy sản của nước ta hiện nay
- A. diện tích nuôi trồng được mở rộng. B. hạn chế đánh bắt thủy sản xa bờ.
C. đánh bắt ở ven bờ được chú trọng. D. phương tiện sản xuất chưa đầu tư.
- Câu 69:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường biển nước ta hiện nay?
- A. Ngành non trẻ và phát triển nhanh. B. Vận chuyển nhiều hàng xuất khẩu.
C. Các cảng đã được đầu tư nâng cấp. D. Nhiều tuyến vận chuyển khác nhau.
- Câu 70:** Điều kiện thuận lợi phát triển du lịch biển - đảo ở nước ta là
- A. nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.
B. ven biển có nhiều vịnh biển kín, nhiều cửa sông.
C. vùng biển có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú.
D. có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.
- Câu 71:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng liên tục trong những năm gần đây?
- A. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu nông sản. B. Mở rộng và đa dạng hóa của thị trường.
C. Sự phục hồi và phát triển của nền kinh tế. D. Việt Nam trở thành thành viên của WTO.
- Câu 72:** Ngành du lịch của Đồng bằng sông Hồng đang ngày càng phát triển chủ yếu là do
- A. cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch hoàn thiện.
B. những đổi mới trong phát triển du lịch của các địa phương.
C. đông dân, nguồn lao động phục vụ cho ngành du lịch dồi dào.
D. sự đa dạng về tài nguyên du lịch nhân văn, du lịch tự nhiên.
- Câu 73:** Khu công nghiệp tập trung phát triển nhanh ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trong thời gian gần đây, chủ yếu là do
- A. hạ tầng giao thông vận tải đồng bộ. B. đảm bảo được nguồn nguyên liệu.
C. thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài. D. cơ sở năng lượng đã được đáp ứng
- Câu 74:** Khó khăn chủ yếu về tự nhiên trong phát triển cây công nghiệp của Tây Nguyên là
- A. các giống cây già cỗi cho năng suất thấp. B. đất bazan vụn bở nên bị xói mòn mạnh.
C. mùa khô sâu sắc, kéo dài gây thiếu nước. D. ô nhiễm môi trường do khai thác bô xít.
- Câu 75:** Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là
- A. giải quyết tốt vấn đề nước ngọt vào mùa khô.
B. chuyển trồng lúa sang trồng cây công nghiệp.
C. đẩy mạnh việc phát triển chăn nuôi đại gia súc.
D. khai thác triệt để rừng ngập mặn để nuôi tôm.
- Câu 76:** Cho biểu đồ về các loại đất của Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên năm 2017



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Diện tích các loại đất của Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.
- B. Quy mô và cơ cấu các loại đất của Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.
- C. Tốc độ gia tăng diện tích các loại đất của Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.
- D. Sự thay đổi diện tích các loại đất ở Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.

Câu 77: Sinh vật nước ta đa dạng là kết quả tác động của các nhân tố chủ yếu là

- A. vị trí nơi gặp gỡ của các luồng di cư, địa hình, khí hậu, đất đai phân hoá.
- B. địa hình phần lớn là đồi núi, vị trí giáp biển, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. đất đai phong phú, tác động của con người lai tạo và thay đổi sự phân bố.
- D. khí hậu phân hoá, con người lai tạo giống, vị trí ở trung tâm Đông Nam Á.

Câu 78: Cao su và cà phê được trồng ở Tây Bắc Bộ chủ yếu là do

- A. gió mùa Đông Bắc giảm tác động.
- B. có đất feralit trên đá vôi màu mỡ.
- C. các giống cây đã được thuần hóa.
- D. tạo ra môi trường nhân tạo phù hợp

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc tăng cường kết cấu hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tạo thế mở hơn nữa cho kinh tế vùng.
- B. đẩy mạnh sự phân công lao động mới.
- C. đẩy mạnh phát triển kinh tế cho vùng.
- D. tăng vai trò trung chuyển về vận tải.

Câu 80: Cho bảng số liệu

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	51,3	85,6	101,6	152,0
Sản lượng (nghìn tấn)	105,4	151,6	176,8	241,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Đường.
- C. Cột.
- D. Kết hợp.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Ma trận đề thi tham khảo năm 2021 môn Địa lí của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chuyên đề		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	TỔNG
Địa lí 11 2 câu	Lí thuyết	0	0	0	0	0
	Biểu đồ		1	0		1
	Bảng số liệu		1	0		1
Địa lí 12 38câu	Tự nhiên	2	1	0	1	4
	Dân cư	0	2	0	0	2
	Ngành kinh tế	2	4	1		7
	Vùng kinh tế	1	1	4	2	8
	Atlas	15	0	0	0	15
	Biểu đồ			1		1
	Bảng số liệu				1	1
Số câu		20	10	6	4	40
<i>Tỉ lệ (%)</i>		<i>50</i>	<i>25,0</i>	<i>15,0</i>	<i>10</i>	<i>100</i>

B. Hướng dẫn giải đề tham khảo số 32

Câu	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	D	C	B	B	B	A	A	B	A	B
Câu	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
Đáp án	D	A	A	C	B	D	D	C	A	C
Câu	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
Đáp án	A	D	C	A	D	B	B	A	A	D
Câu	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
Đáp án	B	B	C	C	A	B	A	A	C	D

* *Gợi ý trả lời chi tiết:*

Câu 41. (Nhận biết) Biện pháp để bảo vệ tài nguyên sinh vật ở nước ta **không** phải là **cấm khai thác các loài sinh vật**. Đáp án: D.

Câu 42. (Nhận biết) Ở lưu vực sông suối miền núi nước ta thường dễ xảy ra thiên đó là lũ quét. Đáp án: C.

Câu 43. (Nhận biết) Ngành phân đạm sử dụng nguyên liệu từ công nghiệp khai thác dầu khí (Nhà máy điện – đạm Phú Mỹ). Đáp án: B.

Câu 44. (Nhận biết) Ngành **Chế biến chè, cà phê, thuốc lá** sử dụng nguyên liệu từ cây công nghiệp. Đáp án: B.

Câu 45. (Nhận biết) Đông Nam Bộ hiện nay đứng đầu cả nước về **phát triển khai thác dầu và khí**.

Đáp án: B.

Câu 46. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, vừa giáp biển vừa giáp Trung Quốc là tỉnh **Quảng Ninh**. Đáp án: A.

Câu 47. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, lưu vực hệ thống sông **Đà Rằng** hoàn toàn trong lãnh thổ nước ta. Đáp án: A.

Câu 48. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, trạm mùa mưa vào thu đông. Đáp án: B.

Câu 49. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, đỉnh núi **Ngọc Linh** cao nhất miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Đáp án: A.

Câu 50. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, biết thành phố Vinh thuộc đô thị loại 2. Đáp án: B.

Câu 51. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, trung tâm kinh tế Quy Nhơn có quy mô nhỏ nhất Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Đáp án: D.

Câu 52. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, tỉnh Lào Cai có sản lượng thịt hơi xuất chuồng tính theo đầu người cao nhất. Đáp án: A.

Câu 53. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, trung tâm có cơ cấu ngành đa dạng hơn cả là **Thái Nguyên**. Đáp án: A.

Câu 54. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu Cần Thơ **không** có ngành gỗ, giấy, xenlulô. Đáp án: C.

Câu 55. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, quốc lộ 10 nối Nam Định với Hải Phòng. Đáp án: B.

Câu 56. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, bãi biển Sa Huỳnh thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Đáp án: D.

Câu 57. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, những loại khoáng sản sau đây được khai thác ở tỉnh Tuyên Quang là **Chì và thiếc**. Đáp án: C.

Câu 58. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Đáp án: C.

Câu 59. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, tỉnh Quảng Nam có nhà máy thủy điện A Vương. Đáp án: A.

Câu 60. (Nhận biết) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, tỉnh có 2 khu kinh tế cửa khẩu là Tây Ninh. Đáp án: C.

Câu 61. (Thông hiểu)

Công thức: Mật độ $d/s = \text{Dân số}/\text{diện tích}$

MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2016

Quốc gia	Việt Nam	Lào	Thái Lan	Phi-lip-pin
Mật độ dân số (người/km ²)	283	29,6	124,4	350

Đáp án A.

Câu 62. (Thông hiểu) Theo biểu đồ, xuất khẩu > Nhập khẩu => cán cân dương, Xuất khẩu < Nhập khẩu => cán cân âm. Đáp án: D

Câu 63. (Thông hiểu) Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú do nằm ở nơi giao nhau của 2 vành đai sinh khoáng. Đáp án: C.

Câu 64. (Thông hiểu) Dân cư nước ta phân bố không đồng đều gây khó khăn cho việc sử dụng hợp lí lao động và khai thác tài nguyên (đồng bằng đất chật người đông, thừa lao động thiếu việc làm, miền núi giàu tài nguyên thiếu lao động, đặc biệt là lao động có trình độ cao). Việc phân bố lại dân cư và lao động trên phạm vi cả nước sẽ giúp cho các vùng **sử dụng hợp lí hơn lao động và tài nguyên**. Đáp án: A.

Câu 65. (Thông hiểu) Chất lượng nguồn lao động nước ta ngày càng được nâng cao là do những thành tựu trong văn hóa, y tế, giáo dục (**hướng nghiệp, đào tạo nghề được chú trọng**). Đáp án: D.

Câu 66. (Thông hiểu). Cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng thủy sản. Đáp án: B.

Câu 67. (Thông hiểu) Xu hướng nổi bật nhất của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là **đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa**. Đáp án: B.

Câu 68. (Thông hiểu) Ngành thủy sản của nước ta hiện nay diện tích nuôi trồng được mở rộng. Đáp án BCD chưa chính xác.(SGK Địa lí 12 cơ bản/T100) . Đáp án: B.

Câu 69. (Thông hiểu) Ngành non trẻ và phát triển nhanh là đặc điểm của giao thông đường hàng không, không phải vận tải đường biển. Đáp án: A.

Câu 70: (Thông hiểu) Điều kiện thuận lợi phát triển du lịch biển - đảo ở nước ta là có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt. Đáp án AB là điều kiện của giao thông vận tải biển, C là điều kiện thuận lợi của ngành thủy sản. (SGK Địa lí 12 cơ bản/T191) Đáp án: D.

Câu 71. (VD) Kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng liên tục trong những năm gần đây chủ yếu là do mở **rộng và đa dạng hóa của thị trường**.

Đáp án: B

Câu 72. (VD) ĐBSH có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Tuy nhiên vẫn còn dưới dạng tiềm năng. Chính vì vậy những đổi mới trong phát triển du lịch của các địa phương, đầu tư phát triển du lịch sẽ giúp khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch của vùng và thúc đẩy du lịch phát triển.

. Đáp án: B.

Câu 73. (VD) Khu công nghiệp tập trung phát triển nhanh ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trong thời gian gần đây, chủ yếu là do **thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài**. Đáp án: C.

Câu 74. (VD) Khó khăn chủ yếu về tự nhiên trong phát triển cây công nghiệp của Tây Nguyên là **mùa khô sâu sắc, kéo dài 4-5 tháng gây thiếu nước tưới cho các vùng chuyên canh**. Đáp án: C.

Câu 75. (VD) Khó khăn lớn nhất của ĐBSCL đó là diện tích đất nhiễm phèn, nhiễm mặn lớn. Vì vậy giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là vấn đề thủy lợi, **giải quyết tốt vấn đề nước ngọt vào mùa khô** để thau chua, rửa mặn. Đáp án: A.

Câu 76. (VD) Biểu đồ tròn thể hiện qui mô và cơ cấu. Đáp án: B.

Câu 77. (VDC) Sinh vật nước ta đa dạng là kết quả tác động của các nhân tố chủ yếu là vị trí nơi gặp gỡ của các luồng di cư di lưu của nhiều loại sinh vật (phương Bắc xuống, Nam lên, tây sang, sinh vật biển), địa hình, khí hậu, đất đai phân hoá. Đáp án: A.

Câu 78. (VDC) Cây cao su và cà phê ưa khí hậu nhiệt đới, nóng. Hiện nay ở Tây Bắc Bộ thử nghiệm trồng cây cà phê, cao su chủ yếu là do gió mùa Đông Bắc giảm tác động. Đáp án: A.

Câu 79. (VDC) Tăng cường kết cấu hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ tạo thế mở hơn nữa cho kinh tế vùng, thúc đẩy sự phân công lao động mới... Từ đó thúc **đẩy mạnh phát triển kinh tế cho vùng**.(SGK Địa lí 12 cơ bản/T165)

. Đáp án: C.

Câu 80. (VDC) Biểu đồ kết hợp(2 đơn vị, 4 năm). Đáp án: D.